

Số: 308 /KH-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 14 tháng 9 năm 2023

KẾ HOẠCH
Triển khai mô hình tỉnh chuyển đổi số điển hình năm 2023

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 17/QĐ-UBQGČĐS ngày 04/4/2023 của Ủy ban Quốc gia về Chuyển đổi số về Kế hoạch hoạt động của Ủy ban Quốc gia về Chuyển đổi số năm 2023, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Kế hoạch triển khai mô hình tỉnh chuyển đổi số điển hình năm 2023 gồm các nội dung sau:

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025;

Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW;

Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 12/11/2021 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI về chuyển đổi số tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;

Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 17/QĐ-UBQGČĐS ngày 04/4/2023 của Ủy ban Quốc gia về Chuyển đổi số ban hành kế hoạch hoạt động của Ủy ban Quốc gia về Chuyển đổi số năm 2023;

Quyết định số 922/QĐ-BTTTT ngày 20/5/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc phê duyệt Đề án “Xác định Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và của quốc gia”;

Kế hoạch số 138-KH/TU ngày 20/02/2020 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Chương trình hành động số 120/CTr-UBND ngày 23/3/2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 12/11/2021 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI về chuyển đổi số tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Xây dựng mô hình tỉnh chuyển đổi số điển hình góp phần triển khai có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đề ra tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” và Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 12/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI về chuyển đổi số tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

2. Yêu cầu

Mô hình tỉnh chuyển đổi số điển hình cần đáp ứng các nhu cầu thực tiễn của địa phương, giúp giải quyết những vấn đề cấp thiết của địa phương và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội dựa trên công nghệ số.

Mô hình tỉnh chuyển đổi số điển hình được thực hiện kết hợp với việc bám sát Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số theo Quyết định số 922/QĐ-BTTTT ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực thúc đẩy phát triển các nền tảng công nghệ số, nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; Tận dụng, huy động tối đa nguồn lực xã hội hóa phục vụ chuyển đổi số của địa phương.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Hoàn chỉnh mô hình tỉnh chuyển đổi số điển hình trên cả ba trụ cột là chính quyền số, kinh tế số và xã hội số ở tất cả các huyện, thị xã, thành phố Huế, các phường, xã, thị trấn trên địa bàn làm động lực phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 theo Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 12 tháng 11 năm 2021.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mô hình chuyển đổi số cấp tỉnh

a) Chính quyền số

- 100% các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh kết nối hạ tầng mạng băng thông rộng trên mạng chuyên dùng của Chính phủ để đáp ứng triển khai các dịch vụ số, đảm bảo an toàn thông tin.

- Trên 90% dịch vụ công trực tuyến được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

- Tối thiểu 80% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần.

- 100% người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền.

- 30% hoạt động quản lý nhà nước, kết nối công dân, doanh nghiệp, cung cấp dịch vụ công được chuyển đổi lên môi trường số.

- Tối thiểu 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

- 80% cơ quan nhà nước cấp tỉnh tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

- Trên 20% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- Tỷ lệ hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước hoàn thành phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin trên 40%, đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ trên 20%.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản; 50% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số.

- Bảo đảm mức đầu tư cho chuyển đổi số tối thiểu 1% tổng chi ngân sách địa phương hằng năm.

b) Kinh tế số

- Phần đầu kinh tế số chiếm 15% GRDP.

- Tối thiểu 20% sản phẩm hàng hóa và dịch vụ được chứng nhận thương hiệu có mặt trên các sàn thương mại điện tử.

- Hình thành 30 doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

- 20% các doanh nghiệp nhỏ và vừa (doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh) thực hiện chuyển đổi số.

- Năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 5%.

- Thu hút khoảng 10.000 nhân lực bao gồm cả chuyên gia, lao động làm việc trong lĩnh vực số.

c) Xã hội số

- Tỷ lệ thôn, bản được phủ băng rộng di động đạt 100%; Tỷ lệ thôn, bản được phủ băng rộng cố định (cáp quang FTTH) đạt 100%; Tỷ lệ người sử dụng Internet đạt 90%; Tỷ lệ Hộ gia đình có truy nhập Internet băng rộng cáp quang đạt 85%; Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 90%; Tỷ lệ Hộ gia đình có truy nhập Internet (bao gồm băng rộng cố định và băng rộng di động) đạt 90%.

- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt 80%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt

trên **50%**.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 50%.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản định danh điện tử trên 30%.
- Mỗi cơ sở đào tạo đều triển khai hoạt động quản lý dạy và học trên môi trường số.
- Tỷ lệ dân số có hồ sơ sức khỏe điện tử trên 80%.
- Hue-S thành mạng xã hội thế hệ mới là nền tảng quan trọng cùng các nền tảng số khác của quốc gia đảm bảo đủ năng lực thực hiện mục tiêu hình thành xã hội số trong các lĩnh vực: xã hội số Y tế, xã hội số Giáo dục, xã hội số Văn hóa, du lịch; xã hội số trong Nông nghiệp và phát triển nông thôn, xã hội số trong Lao động, Thương binh và Xã hội.

2.2. Mô hình chuyển đổi số cấp huyện, cấp xã

a) Chính quyền số

- 100% lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, cấp xã chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc hoàn toàn trên môi trường điện tử; 100% các văn bản, hồ sơ công việc được tạo lập, xử lý, ký số trên môi trường điện tử (trừ văn bản mật theo quy định).
- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình; Quy trình xử lý dịch vụ công trực tuyến đều thực hiện theo quy trình điện tử. Kết quả xử lý được ký số và làm cơ sở hình thành hồ sơ điện tử cho người dân, doanh nghiệp.
- 100% UBND cấp huyện, cấp xã giao tiếp với người dân thông qua trang thông tin điện tử, mạng xã hội, nhóm zalo để cung cấp thông tin, tình hình kinh tế xã hội, chỉ đạo của chính quyền, phản ánh, kiến nghị của người dân.
- 100% cuộc họp được khởi tạo lịch, tài liệu và các nghiệp vụ liên quan trên hệ thống họp thông minh.
- 100% cán bộ lãnh đạo được đảm bảo chữ ký số qua SIM di động.
- 100% cơ quan cấp huyện, cấp xã có phát sinh họp trực tuyến trên hệ thống của tỉnh.
- 100% báo cáo chuyên đổi thành mô hình báo cáo số.
- 100% cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn huyện, xã có cài Hue-S; Được tiếp cận kỹ năng sử dụng điện thoại di động và ứng dụng Hue-S trên các hoạt động khác nhau như trực tiếp, trực tuyến.
- Mỗi đơn vị cấp huyện xây dựng ít nhất 50% đơn vị hành chính cấp xã chuyển đổi số.
- Trang bị thiết bị phát thanh thông minh trên địa bàn huyện, xã.
- Sử dụng, khai thác các nền tảng số, cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh và Trung ương triển khai đảm bảo hiệu quả, đúng quy định.
- Trên 20% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- Tối thiểu 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

- Triển khai số hóa tài liệu, quy trình nghiệp vụ phục vụ cho công tác chuyển đổi số tại UBND cấp huyện, xã. Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin nhằm hỗ trợ các hoạt động chỉ đạo, điều hành, quản lý và nghiệp vụ như: quản lý tài sản, tài chính - kế toán, nhân lực, nhân sự, báo cáo, tổng hợp...

- Ứng dụng hệ thống phản ánh hiện trường hỗ trợ chính quyền giao tiếp, tương tác và tiếp nhận các ý kiến, phản ánh, kiến nghị của người dân trên địa bàn huyện, xã.

- Tuyên truyền, đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức và kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ và người dân.

b) Kinh tế số

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, sản xuất và người dân về chuyển đổi số, phát triển kinh tế, mua bán, phân phối hàng hóa dựa trên môi trường mạng.

- 100% các sản phẩm nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ có lợi thế của huyện, xã sản phẩm OCOP được quảng bá qua môi trường mạng (Hue-S, trang thông tin điện tử, mạng xã hội,...); hướng dẫn, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp kết nối, đưa hàng hóa, dịch vụ lên môi trường mạng.

- Hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh và người dân sử dụng thanh toán không dùng tiền mặt trên Hue-S và các kênh khác để giao dịch trực tuyến.

- Doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, sản xuất và người dân có ứng dụng Hue-S và các nền tảng công nghệ số để thực hiện chuyển đổi số trong quản lý, sản xuất, kinh doanh.

c) Xã hội số

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người dân trên địa bàn huyện, xã về chuyển đổi số;

- Hỗ trợ hướng dẫn người dân ứng dụng về các dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số (Hue-S và các dịch vụ số khác) trên môi trường mạng.

- Tỷ lệ người sử dụng Internet đạt 90%; Tỷ lệ hộ gia đình có truy nhập Internet băng rộng cáp quang đạt 85%; Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 90%; Tỷ lệ hộ gia đình có truy nhập Internet (bao gồm băng rộng cố định và băng rộng di động) đạt 90%.

- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt 80%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản định danh điện tử trên 30%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 50%.

- Mỗi cơ sở đào tạo đều triển khai hoạt động quản lý dạy và học trên môi trường số.

- Tỷ lệ dân số có hồ sơ sức khỏe điện tử trên 80%.
- 100% người dân đảm bảo điều kiện được phổ cập điện thoại thông minh.

IV. GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI

1. Đối với mô hình cấp tỉnh

1.1. Nhóm ứng dụng chuyển đổi số cốt lõi

a) Lĩnh vực Chính quyền số

- Phát triển, hoàn thiện nền tảng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, tích hợp với các ứng dụng chuyên ngành.
- Phát triển, triển khai 100% dịch vụ công trực tuyến.
- Phát triển, triển khai các nền tảng tương tác trực tuyến.
- Phát triển, hoàn thiện các nền tảng ứng dụng phục vụ quản lý, điều hành để triển khai dùng chung cho toàn bộ các cơ quan, đơn vị.
- Phát triển, triển khai các ứng dụng, dịch vụ chuyên ngành.
- Phát triển, triển khai nền tảng Trợ lý ảo.
- Phát triển, hoàn thiện nền tảng hệ thống thông tin Báo cáo của tỉnh.
- Phát triển, triển khai nền tảng ứng dụng số sử dụng công nghệ AI, dữ liệu lớn.
- Phát triển, hoàn thiện nền tảng định danh và xác thực điện tử.
- Phát triển, hoàn thiện, triển khai nền tảng thanh toán trực tuyến theo hướng đa dạng hình thức thanh toán.
- Phát triển, triển khai các nền tảng ứng dụng, dịch vụ phục vụ quản lý, giám sát, điều hành thông minh dựa trên dữ liệu số.
- Phát triển, triển khai nền tảng Cổng dữ liệu mở.

b) Lĩnh vực Y tế

- Phát triển, triển khai hồ sơ bệnh án điện tử, không sử dụng bệnh án giấy, không dùng tiền mặt trong thanh toán chi phí khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế.
- Phát triển, triển khai các ứng dụng số cho phép quản lý tiêm chủng, quản lý bệnh truyền nhiễm, quản lý bệnh không lây nhiễm...
- Hỗ trợ thúc đẩy phát triển và triển khai các ứng dụng, dịch vụ số tại các cơ sở khám chữa bệnh, phát triển bệnh viện số.

c) Lĩnh vực Giáo dục

- Phát triển, triển khai các ứng dụng số, ưu tiên hình thức xã hội hóa: Hỗ trợ dạy và học trực tuyến; Thi và tuyển sinh các cấp; Hồ sơ học bạ điện tử; Thư viện số; Thanh toán điện tử....
- Phát triển, triển khai kết nối, chia sẻ thông tin giáo dục.

- Phát triển, triển khai các ứng dụng số phục vụ quản lý, giám sát, điều hành thông minh.

d) Lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng

- Phối hợp với bộ, ngành chủ quản để triển khai ứng dụng toàn diện công nghệ số trong các ngành thuế, hải quan, kho bạc, chứng khoán.

- Phối hợp với các tổ chức tín dụng hợp pháp để thí điểm hệ thống hồ sơ tài chính số.

e) Đối với lĩnh vực Nông nghiệp

- Phát triển, triển khai sàn thương mại điện tử.

- Phát triển, triển khai ứng dụng số hỗ trợ quan sát, giám sát, điều hành thông minh dựa trên dữ liệu số.

- Ứng dụng các công nghệ tự động hóa quy trình sản xuất.

- Phát triển, triển khai các ứng dụng số phục vụ công tác quản lý:

+ Hệ thống bản đồ số quy hoạch sản phẩm nông nghiệp.

+ Hệ thống phân tích, dự báo, cảnh báo thị trường, quản lý quy hoạch.

f) Lĩnh vực Giao thông và logistics

- Phát triển, triển khai hệ thống quản lý giao thông thông minh.

- Phát triển, triển khai Cổng thông tin giao thông trực tuyến.

- Phát triển, triển khai ứng dụng số phục vụ hỗ trợ quản lý quy hoạch.

- Phối hợp với doanh nghiệp để phát triển, triển khai các ứng dụng số để cải thiện chất lượng dịch vụ logistics theo các tiêu chuẩn quốc tế.

- Phát triển, triển khai các ứng dụng số quản lý, giám sát hoạt động vận tải và logistics.

- Phát triển, triển khai sàn thương mại điện tử ngành logistics.

g) Lĩnh vực Năng lượng

- Phát triển, triển khai các ứng dụng số phục vụ quản lý, điều hành trong lĩnh vực năng lượng.

- Phát triển, triển khai các ứng dụng số phục vụ quản lý tập trung sử dụng bản đồ số (GIS).

- Hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp phát triển, triển khai các ứng dụng số sử dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, IoT... trong lĩnh vực năng lượng.

h) Lĩnh vực Tài nguyên - Môi trường

Phát triển, triển khai các ứng dụng số giúp đổi mới, nâng cao chất lượng quản lý lĩnh vực tài nguyên và môi trường bao gồm: Quản lý, công bố theo quy định pháp luật; Cảnh báo về chất lượng môi trường; Cơ sở hạ tầng môi trường; Đánh giá các tác động môi trường; Các khu vực ngập nước; Quan trắc, giám sát,

quản lý, xử lý sự cố môi trường.

i) Lĩnh vực công nghiệp:

- Hỗ trợ, thúc đẩy xây dựng, triển khai xưởng/nhà máy thông minh; Khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn; Tích hợp, kết nối với Trung tâm IOC của Tỉnh; Tích hợp giải pháp chế biến, chế tạo thông minh.

j) Lĩnh vực Du lịch:

Phát triển, triển khai các ứng dụng số bao gồm:

- Hệ thống Thẻ du lịch thông minh; Cổng thông tin du lịch trực tuyến.

- Ứng dụng thuyết minh du lịch trên thiết bị di động.

- Phát triển, triển khai ứng dụng du lịch số; Tích hợp, kết nối với các hệ thống của các sở, ngành liên quan; Tích hợp, kết nối với các ứng dụng cho phép phản ánh, góp ý, đánh giá mức độ hài lòng; Tích hợp, kết nối nền tảng thanh toán trực tuyến.

k) Công dân số

Phát triển, triển khai các ứng dụng để cung cấp các sản phẩm số, dịch vụ số thông minh cho người dân, hỗ trợ triển khai trên nền tảng thiết bị di động (Hue-S) như sau:

- Sử dụng các sản phẩm, dịch vụ số của cơ quan nhà nước; Ứng dụng phản ánh công dân; Ứng dụng Trợ lý ảo thông minh; Ứng dụng sức khỏe bệnh án điện tử; Hỗ trợ thông báo, cảnh báo và hướng dẫn phòng ngừa dịch bệnh, thông tin bảo hiểm y tế, thanh toán chi phí khám chữa bệnh.

- Ứng dụng giao thông số cho phép hỗ trợ công dân sử dụng các dịch vụ giao thông công cộng, tình hình giao thông công cộng, thanh toán điện tử.

l) Lĩnh vực An toàn, an ninh:

- Phát triển, thí điểm và nhân rộng ứng dụng quản lý và thu thập, xử lý, nhận dạng, phát hiện đối tượng thuộc danh sách đen sử dụng công nghệ sinh trắc học.

- Phát triển, triển khai các ứng dụng theo dõi, giám sát diện rộng; Ứng dụng số trên nền tảng di động để tiếp nhận và xử lý các phản ánh, yêu cầu hỗ trợ.

- Phối hợp triển khai ứng dụng quản lý xuất nhập cảnh, quản lý cư trú.

- Tích hợp, kết nối chia sẻ thông tin về an toàn, an ninh với Trung tâm IOC của tỉnh.

- Ứng dụng số sử dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn để cảnh báo, dự báo nguy cơ, rủi ro gây mất an toàn, an ninh, bất ổn trên địa bàn.

- Phối hợp với Bộ Công an để triển khai và khai thác CSDLQG về Dân cư.

1.2. Nhóm ứng dụng Quản trị thông minh

- Triển khai các ứng dụng số phục vụ giám sát, điều hành thông minh.

- Phát triển, triển khai các ứng dụng sử dụng công nghệ CMCN 4.0 để phục vụ các công tác quản lý, điều hành thông minh.

1.3. Nhóm ứng dụng Hỗ trợ và giao tiếp

- Triển khai các nền tảng hình thành văn phòng số hiệu quả, hiện đại.
- Phát triển, triển khai nền tảng quản lý ký số tập trung.
- Triển khai Cổng thông tin điện tử, mạng xã hội, chăm sóc khách hàng và các ứng dụng hỗ trợ khác.

1.4. Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh

Phát triển, hoàn thiện và mở rộng Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh.

1.5. Dữ liệu

- Phát triển, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu chuyên ngành.
- Xây dựng, triển khai kho dữ liệu tập trung dùng chung cấp tỉnh.
- Số hóa kết quả thủ tục hành chính còn hiệu lực và các văn bản chỉ đạo điều hành, quản lý, lưu trữ, hồ sơ.
- Kết nối, liên thông, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin.
- Xây dựng, công bố các bộ dữ liệu mở của các cơ quan nhà nước.

1.6. Hạ tầng công nghệ thông tin

- Phát triển, hoàn thiện hạ tầng vận hành Trung tâm dữ liệu, hạ tầng điện toán đám mây của tỉnh.

- Xây dựng, ban hành và thực thi áp dụng các quy định, quy chế về hạ tầng công nghệ thông tin.

- Bảo đảm khả năng quản trị, vận hành ổn định.

1.7. Đầu tư hạ tầng băng rộng

- Phát triển hạ tầng băng rộng cố định tốc độ cao (Gb/s, Tb/s); phát triển thuê bao băng rộng cố định FTTH tới hộ gia đình; hạ tầng băng rộng di động chất lượng cao (4G/5G) trên phạm vi toàn tỉnh.

- Triển khai, xây dựng, mở rộng mạng cáp quang đất liền, mạng trục.
- Triển khai các hoạt động thúc đẩy phổ cập điện thoại di động thông minh.

1.8. Cảm biến thu thập dữ liệu IoT

- Xây dựng, phát triển và mở rộng hạ tầng mạng lưới thiết bị cảm biến.
- Triển khai tích hợp các thiết bị cảm biến vào các hạ tầng thiết yếu.

1.9. An toàn thông tin

Việc chuyển đổi số cần bảo đảm gắn liền với việc thực hiện các hoạt động bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ được quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

1.10. Cơ sở vật chất

Thiết lập các khu vực, văn phòng làm việc hoặc điếm khai thác sản phẩm, dịch vụ số hiện đại tại Trung tâm hành chính công, Trung tâm IOC cấp tỉnh, cấp huyện để phục vụ các cán bộ, công chức, viên chức và công dân, doanh nghiệp.

1.11. Các cơ chế, thể chế, chính sách phục vụ chuyển đổi số

- Xây dựng và ban hành Chương trình hành động của Tỉnh ủy, UBND tỉnh phục vụ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng, triển khai kế hoạch chuyển đổi số toàn diện.

- Xây dựng, ban hành quyết định thành lập Ban chỉ đạo Chuyển đổi số.

- Xây dựng và ban hành quy định của tỉnh về chiến lược phát triển dữ liệu.

- Xây dựng, ban hành chính sách hỗ trợ, cơ chế ưu đãi cho các doanh nghiệp.

- Hoàn thiện các chính sách, quy định cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

- Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút, đào tạo phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

2. Đối với mô hình cấp huyện

- Các đơn vị cấp huyện phối hợp triển khai và sử dụng có hiệu quả các sản phẩm, dịch vụ số do các cơ quan cấp trên cung cấp.

- Chỉ phát triển, triển khai các ứng dụng chuyển đổi số cốt lõi nếu được xác định là đơn vị hành chính đặc thù, có vai trò quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, được cấp có thẩm quyền phê duyệt định hướng phát triển thành đô thị thông minh.

- Bảo đảm việc triển khai các hệ thống thông tin đồng bộ, thống nhất với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan; tận dụng tối đa các nền tảng công nghệ, và hạ tầng ICT đã có; không đầu tư trùng lặp với các nội dung do các sở, ngành hoặc các cơ quan Trung ương đã triển khai.

- Bảo đảm việc triển khai chuyển đổi số phải gắn liền với hiện trạng, nhu cầu và các bài toán cấp thiết phải giải quyết trên địa bàn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội từ cấp huyện đến cấp xã, có khả năng định lượng, đo lường, đánh giá các kết quả chuyển đổi số; phù hợp với chương trình chuyển đổi số chung của Tỉnh.

3. Đối với mô hình cấp xã

- Các cơ quan hành chính cấp xã phối hợp triển khai và sử dụng có hiệu quả các sản phẩm, dịch vụ số do các cơ quan cấp trên cung cấp.

- Tăng cường phổ biến, phổ cập các công cụ hỗ trợ người dân làm quen, sử dụng các sản phẩm, dịch vụ số hỗ trợ đa phương tiện (âm thanh, video, hình ảnh...).

- Xây dựng, triển khai mô hình Nhà văn hoá thông minh thôn, bản với cơ sở vật chất, thiết bị CNTT hiện đại để phục vụ sinh hoạt, học tập, giải trí tại

trung tâm học tập cộng đồng cho người dân, đặc biệt đối với trên địa bàn xã miền núi.

- Thúc đẩy người dân làm quen, sử dụng các thiết bị di động để tiếp cận, làm quen và tích cực sử dụng các sản phẩm số, dịch vụ số, giúp hình thành văn hóa số.

- Có biện pháp hỗ trợ người dùng sử dụng và duy trì, cải tiến chất lượng các sản phẩm, dịch vụ số cho người dùng tại cấp xã, đặc biệt vùng sâu, vùng xa, hải đảo.

- Triển khai thí điểm chuyển đổi số tại cấp xã để tổng kết, rút kinh nghiệm hoặc đánh giá các tác động, ảnh hưởng và khả thi trước khi triển khai nhân rộng.

V. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

- Tháng 9/2023: Ban hành Kế hoạch triển khai mô hình tỉnh chuyên đổi số điển hình.

- Tháng 12/2023: công bố mô hình tỉnh chuyên đổi số điển hình; Đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu tại Kế hoạch triển khai mô hình tỉnh chuyên đổi số điển hình.

- Từ 12/2023- 2025: Triển khai mô hình các cấp.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Nguồn vốn hỗ trợ của tỉnh.

- Nguồn vốn hỗ trợ của huyện;

- Nguồn vốn do xã huy động;

- Nguồn huy động từ các doanh nghiệp, xã hội hóa.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai xây dựng mô hình tỉnh chuyên đổi số điển hình; Phối hợp, hướng dẫn các Sở, ngành, địa phương liên quan triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp mô hình tỉnh chuyên đổi số điển hình theo đúng tiến độ.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn các địa phương tổ chức triển khai Kế hoạch; hướng dẫn các cơ quan, tổ chức xây dựng kế hoạch chi tiết triển khai các nhiệm vụ, giải pháp mô hình chuyên đổi số tại các địa phương.

- Rà soát, lồng ghép các nhiệm vụ, giải pháp mô hình tỉnh chuyên đổi số điển hình hoàn chỉnh Đề án “Chuyển đổi số và phát triển dịch vụ đô thị thông minh tỉnh Thừa Thiên Huế đến 2025, định hướng đến 2030” trình UBND tỉnh ban hành triển khai thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức báo cáo, đánh giá tổng kết kết quả thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, các đơn vị, địa phương xác định rõ danh mục nhiệm vụ triển khai mô hình tỉnh chuyên đổi số đảm bảo tính hiệu

quả và có lộ trình cụ thể, các hạng mục ưu tiên, trọng điểm cần triển khai trước.

- Cập nhật, bổ sung kết quả thực hiện mô hình chuyển đổi số tỉnh điển hình vào Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số các cấp. Phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố tổ chức sơ kết, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch theo từng giai đoạn.

2. Các sở, ban, ngành, đoàn thể liên quan

Phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông hoàn thiện xây dựng mô hình tỉnh chuyển đổi số điển hình; Chủ trì hoặc phối hợp với các đơn vị khác chủ trì, thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp triển khai mô hình tỉnh chuyển đổi số điển hình theo lĩnh vực mình phụ trách. Chú trọng đảm bảo tuân thủ theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông để đảm bảo sự kết nối và chia sẻ dữ liệu số.

3. Thành viên Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số của tỉnh

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của mình hướng dẫn các địa phương triển khai chuyển đổi số thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế; UBND các xã, phường, thị trấn

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan hoàn thiện xây dựng mô hình tỉnh chuyển đổi số điển hình; Chủ trì hoặc phối hợp với các đơn vị khác chủ trì thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp triển khai mô hình chuyển đổi số cấp huyện, cấp xã tại địa phương; chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn, các phòng, chuyên môn phối hợp, hỗ trợ triển khai các hoạt động chuyển đổi số theo các nội dung của Kế hoạch đảm bảo đúng tiến độ.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, tổng hợp tình hình, kết quả triển khai; tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện. Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về kết quả thực hiện tại địa phương mình.

- Thực hiện tổng hợp, đề xuất nhu cầu tập huấn, bồi dưỡng cho Tổ Công nghệ số cộng đồng; cán bộ, công chức các xã, phường, thị trấn trên địa bàn về Sở Thông tin và Truyền thông; chủ động bố trí các nguồn lực cần thiết đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ triển khai mô hình chuyển đổi số trong Kế hoạch và theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông.

- Nâng cao kiến thức, kỹ năng số và chủ động thực hiện các nội dung trong mô hình thuộc trách nhiệm của chính quyền.

- Thực hiện tuyên truyền, phổ biến đến người dân trong địa phương hiểu được ý nghĩa của việc triển khai mô hình xây dựng huyện, xã chuyển đổi số.

- Phối hợp đánh giá kết quả triển khai mô hình xã thông minh. Bố trí các nguồn lực cần thiết để tiếp tục duy trì, vận hành, phát triển mô hình xã thông minh.

5. Các tổ chức, doanh nghiệp, cộng đồng trên địa bàn tỉnh

a) Các doanh nghiệp viễn thông

- Tham gia triển khai các nhiệm vụ, giải pháp mô hình tỉnh chuyển đổi số

tạo nền móng chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

- Chủ động thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của doanh nghiệp, phát triển hạ tầng số, nền tảng số, làm chủ công nghệ lõi, đảm bảo an toàn, an ninh mạng.

b) Các doanh nghiệp công nghệ số

- Xây dựng chương trình, mục tiêu, kế hoạch thực hiện, bố trí kinh phí và huy động nguồn lực tài chính, tổ chức thực hiện các hoạt động chuyển đổi số trong doanh nghiệp.

- Tham gia hoặc chủ trì triển khai các nhiệm vụ liên quan như xây dựng hạ tầng số, nền tảng số, xây dựng cơ sở dữ liệu, sản xuất các sản phẩm, dịch vụ đáp ứng cho chuyển đổi số các ngành, lĩnh vực.

c) Các doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi số

Căn cứ mô hình tỉnh chuyển đổi số chủ động xây dựng và thực hiện chuyển đổi số trong doanh nghiệp mình nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, năng lực cạnh tranh.

d) Trách nhiệm của cộng đồng

Cộng đồng dân cư, tổ dân phố, hộ gia đình, các tổ chức, cá nhân chủ động, tích cực nâng cao các kỹ năng ứng dụng công nghệ số, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số.

Trên đây là Kế hoạch triển khai mô hình tỉnh chuyển đổi số điển hình, UBND tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn phối hợp triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh hoặc gặp khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Cục Chuyển đổi số quốc gia (Bộ TT&TT);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế;
- Các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông trên địa bàn;
- VP: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, CN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình